

Bản án số: 597/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 07-9-2020

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà N Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thái

2. Ông Trần Trọng Thái

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0171/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 56/2020/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Lê Hoài H, sinh năm 1983 (Có mặt).

Nơi cư trú: 440/12/22 Đường K, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Mai Phương N, sinh năm 1979 (Có mặt).

Nơi cư trú: 440/12/22 Đường K, Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/3/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Lê Hoài H trình bày:

Bà Nguyễn Lê Hoài H và ông Mai Phương N tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2008 ngày 07 tháng 7 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn một thời gian, cuộc sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Ông N sang Nhật Bản làm việc và có mong muốn đưa cả gia đình cùng sang định cư nhưng lại không có kế hoạch cụ thể về nơi ở, công việc và học hành của các con. Tại Việt Nam bà H có công việc ổn định, các con cũng đang có môi trường sinh sống và học tập tốt. Ngoài ra, hai bên gia đình nội ngoại ở gần thuận lợi cho việc hỗ trợ chăm sóc các cháu. Bà H và ông N không tìm được tiếng nói

chung, cả hai không còn quan tâm, chăm sóc, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông N để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung là Mai Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 31/8/2009 và Mai Nguyễn Thiên N, sinh ngày 26/01/2014.

Bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ Thiên Đ và Thiên N đến tuổi trưởng thành. Hai trẻ Thiên Đ và Thiên N hiện đang ở với bà H có môi trường điều kiện sống và học tập tốt. Bà H có nguồn thu nhập ổn định đảm bảo về kinh tế và dành thời gian để chăm lo việc học, sinh hoạt hàng ngày của hai trẻ. Bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi hai trẻ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà H tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Mai Phương N trình bày: Ông thống nhất với trình bày của bà H về thời gian kết hôn. Sau khi kết hôn một thời gian cuộc sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, cả hai không còn tình cảm với nhau, không tìm được tiếng nói chung trong mọi việc, không còn quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Ông N đồng ý ly hôn với bà H.

- Về con chung: Có 02 con chung là Mai Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 31/8/2009 và Mai Nguyễn Thiên N, sinh ngày 26/01/2014.

Ông N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai trẻ Thiên Đ và Thiên N đến tuổi trưởng thành. Hiện nay ông N đang sinh sống tại nhà của mẹ. Trước đây, ông N công tác tại Nhật Bản được vài năm và hiện tại đã về Việt Nam sinh sống và làm việc. Ông N vừa tìm được công việc mới khoảng một tháng và đang trong giai đoạn thử việc với mức lương khoảng 10.000.000 đồng/tháng

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông N tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà Nguyễn Lê Hoài H giữ nguyên ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

Ông Mai Phương N giữ nguyên ý kiến của mình về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung. Riêng về con chung ông yêu cầu trực tiếp nuôi trẻ Mai Nguyễn Thiên Đ vì trẻ Mai Nguyễn Thiên N còn nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

+ Về việc tuân theo pháp luật của theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thẩm quyền:

Nguyên đơn bà Nguyễn Lê Hoài H yêu cầu ly hôn với ông Mai Phương N và ông hiện đang cư trú tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ kiện thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01/2008 ngày 07 tháng 7 năm 2008 tại Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh có căn cứ xác nhận hôn nhân giữa bà Nguyễn Lê Hoài H và ông Mai Phương N là hợp pháp.

Xét thấy, vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng chia sẻ mọi việc trong cuộc sống nhưng cuộc sống vợ chồng giữa bà H và ông N không còn sự chia sẻ lẫn nhau, dẫn đến nhiều mâu thuẫn phát sinh không thể khắc phục. Mặt khác, tình cảm của bà H và ông N dành cho nhau không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H và ông N thuận tình ly hôn ổn định cuộc sống là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 92 ngày 05 tháng 9 năm 2009 của Ủy ban nhân dân Phường B, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh và Giấy khai sinh số 16, quyển số 01/2013 ngày 14 tháng 02 năm 2014 có cơ sở xác định bà H và ông N có 02 con chung là Mai Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 31/8/2009 và Mai Nguyễn Thiên N, sinh ngày 26/01/2014. Bà H và ông N đều yêu cầu trực tiếp được nuôi hai trẻ và không yêu cầu cấp dưỡng.

Căn cứ vào Hợp đồng lao động số 001/2018/HDLĐ ngày 02/01/2018, các phiếu chuyển lương tháng 10/2019 đến tháng 01/2020 giữa bà Nguyễn Lê Hoài H và Công ty trách nhiệm hữu hạn Tư vấn kế toán Horizon thể hiện bà H hiện nay có công việc ổn định với mức thu nhập khoảng 37.000.000 đồng/tháng. Ngoài ra, bà H còn làm tư vấn và hướng dẫn cho nhân viên kế toán Công ty trách nhiệm hữu hạn Sunoki Việt Nam với mức lương 8.000.000 đồng/tháng.

Căn cứ vào Giấy xác nhận về thời gian thử việc ngày 12/5/2020 và Hợp đồng lao động số HDNS-20345 ngày 15/6/2020 giữa ông Mai Phương N và Công ty TNHH Nissin Logistics (VN) thể hiện ông N hiện nay có công việc ổn định với mức thu nhập khoảng 9.200.000 đồng/tháng.

Xét, bà Nguyễn Lê Hoài H và ông Mai Phương N đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên kia đóng góp cấp dưỡng. Nguyên vọng được trực tiếp nuôi con của cả bà H và ông N đều là xuất phát từ tình thương và trách nhiệm của cha mẹ đối với con cái. Tuy nhiên, việc giao trẻ cho người trực tiếp nuôi dưỡng phải cân nhắc tới việc đảm bảo cuộc sống của trẻ về mọi mặt. Bà H và ông N đều có công việc và thu nhập ổn định, có chỗ ở để đảm bảo môi trường sống và sinh hoạt

cho trẻ. Tuy nhiên, 02 con chung hiện đang sống cùng bà H, phát triển tốt về mọi mặt, có môi trường sống và học tập ổn định.

Tại biên bản lấy lời khai trẻ Nguyễn Mai Thiên Đ ngày 09/6/2020 thể hiện nguyện vọng của trẻ muốn được sống cùng mẹ và em gái. Do đó, vì bảo đảm lợi ích cho sự phát triển ổn định của trẻ, tránh ảnh hưởng tâm lý do thay đổi môi trường sống, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 trẻ Mai Nguyễn Thiên Đ và Mai Nguyễn Thiên N, phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ghi nhận việc bà H không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Lê Hoài H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 48; Điều 147; Điều 264 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 17 Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Lê Hoài H và ông Mai Phương N thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung:* Có 02 con chung là Mai Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 31/8/2009 và Mai Nguyễn Thiên N, sinh ngày 26/01/2014

Giao 02 trẻ Mai Nguyễn Thiên Đ, sinh ngày 31/8/2009 và Mai Nguyễn Thiên N, sinh ngày 26/01/2014 cho bà Nguyễn Lê Hoài H trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận việc bà Nguyễn Lê Hoài H không yêu cầu ông Mai Phương N đóng góp cấp dưỡng nuôi con.

Quyền và nghĩa vụ của bà Nguyễn Lê Hoài H và ông Mai Phương N đối với con chưa thành niên được pháp luật bảo đảm. Vì lợi ích của trẻ, việc trực tiếp nuôi con và đóng góp cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình:*

- Bà Nguyễn Lê Hoài H phải chịu số tiền án phí là 300.000 (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm

ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0042668 ngày 10/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh; bà H đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

6. Về nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- UBND Phường B, quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh